

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

---



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**  
Năm báo cáo: Năm 2015

TP.TUY HÒA, THÁNG 3 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

---



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**  
Năm báo cáo: Năm 2015

TP.TUY HÒA, THÁNG 3 NĂM 2016

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

**Năm báo cáo: Năm 2015**

*(Thực hiện theo Phụ lục số II, ban hành kèm theo  
Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 của Bộ Tài chính)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch Tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**
- Tên giao dịch tiếng Anh : Thuan Thao Corporation
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4400123162
- Vốn điều lệ : 435.030.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 435.030.000.000 đồng
- Địa chỉ : Số 03 Hải Dương – TP. Tuy Hòa - Phú Yên - Việt Nam
- Số điện thoại : (84-57) 3 824 229
- Số Fax : (84-57) 3 823 466
- Website : [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn)
- Mã cổ phiếu : GTT
- Logo Công ty :

THUẬN THẢO



**2. Quá trình hình thành và phát triển Công ty**

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo tiền thân là Doanh nghiệp Vận tải và Thương mại Thuận Thảo được thành lập vào năm 1997.
- Ngày 05/10/2007 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Thuận Thảo.
- Ngày 28/12/2009 Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động thành Công ty Cổ phần Thuận Thảo.
- Ngày 30/6/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phần trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

### 3. Những sự kiện quan trọng:

TT	Thời gian	Lĩnh vực hoạt động
01	1985-1996	Tổng đại lý phân phối hàng hóa của hơn 20 Công ty trong nước và Công ty liên doanh với nước ngoài tại địa bàn tỉnh Phú Yên và các tỉnh lân cận.
02	1997	Thành lập Doanh nghiệp tư nhân với tên gọi: Doanh nghiệp vận tải và thương mại Thuận Thảo, kinh doanh trên hai lĩnh vực chính là: Vận tải và Thương mại
03	1998	Xây dựng và đưa vào kinh doanh Thương xá Thuận Thảo
04	2000	Đầu tư nâng cấp Thương xá Thuận Thảo thành Siêu thị Thuận Thanh- Siêu thị tư nhân đầu tiên tại tỉnh Phú Yên
05	2001	Mở thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Vận tải hành khách chất lượng cao
06	2002	Mở các chi nhánh kinh doanh tại tỉnh Bình Định và TP. HCM
07	2003	Thành lập Bến xe khách tư nhân đầu tiên tại Việt Nam với diện tích 1.800m <sup>2</sup>
08	2004	Xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất nước uống đóng chai suga. Đầu tư xây dựng Trung tâm Giải trí và Sinh Thái Thuận Thảo Xây dựng tổng kho hàng hóa Thuận Thảo
09	2005-2006	Tiếp tục Đầu tư mở rộng Trung tâm Giải trí và Sinh Thái Thuận Thảo tổng diện tích: 21.867,5m <sup>2</sup>
10	2007	Đầu tư xây dựng và khánh thành công trình Trung tâm Hội nghị - Triển lãm và Dịch vụ Du lịch Thuận Thảo Chuyển đổi thành công ty TNHH với tên gọi: Công ty TNHH vận tải và Thương mại Thuận Thảo Xây dựng mới Siêu thị Thuận Thanh rộng 2000m <sup>2</sup> khang trang và hiện đại
11	2008	Xây dựng và đưa vào hoạt động Giai đoạn 1 của khu Resort & Spa Golden Beach Xây dựng và đưa vào hoạt động khu vui chơi, giải trí và dịch vụ Thuận Thảo Land
12	2009	Khánh thành Khách Sạn 5 sao Cendeluxe Đầu tư xây dựng Nhà hát Sao Mai có sức chứa 3.500 chỗ ngồi Chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Thuận Thảo
13	2010	Chứng khoán GTT chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (Hose).

		<p>Bắt đầu triển khai thực hiện dự án đưa 25 xe giường nằm thế hệ mới nhất của hãng Hyundai vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 62,5 tỷ đồng.</p> <p>Triển khai xây dựng dự án nuôi chim yến với diện tích xây dựng 1.080m<sup>2</sup>.</p> <p>Tăng vốn điều lệ Công ty lên 435.030.000.000 đồng.</p> <p>Công ty đã ký biên bản ghi nhớ với Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên về Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu diện tích 100ha với tổng mức đầu tư ước tính 200 tỷ đồng.</p>
14	2011	<p>Công ty tiếp tục thực hiện đổi mới phương tiện với việc đầu tư thay thế và đưa vào hoạt động 30 xe Taxi Kia New Carens 2.0 phiên bản 2011 với tổng vốn đầu tư trên 15 tỷ đồng.</p> <p>Mở rộng dịch vụ vui chơi giải trí tại Trung tâm Hội nghị và Sinh Thái Thuận Thảo.</p> <p>Đầu tư mới 2 xe tải 15 tấn với tổng vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng.</p> <p>Triển khai đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Đá Bàn tại thôn Cẩm Tú, xã Hòa Kiến, TP. Tuy Hòa dự kiến 20 hecta với tổng mức đầu tư khoảng 100 tỷ đồng.</p>
15	2012	<p>Tiếp tục đầu tư mới 2 xe tải Hino 15 tấn và 02 xe tải nhỏ 1,4 tấn tổng vốn đầu tư 4,3 tỷ đồng</p> <p>Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các trang thiết bị, nhà cửa tại Trung tâm Hội nghị và Sinh Thái Thuận Thảo với tổng vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng</p> <p>Đầu tư mới các dịch vụ vui chơi giải trí Trung tâm Hội nghị và Sinh Thái Thuận Thảo với tổng vốn đầu tư trên 3,3 tỷ đồng</p> <p>Đầu tư, nâng cấp hệ thống sản xuất đá tinh khiết và thay thế dây truyền sản xuất nước tinh khiết Suga với tổng giá trị đầu tư trên 500 triệu đồng.</p> <p>Ký hợp đồng với Công ty TNHH Tư vấn Trần Đình Cửu với mục tiêu Tái cấu trúc hệ quản lý Công ty, tổng giá trị Hợp đồng 1.6 tỷ đồng</p>
16	2013	<p>Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị với vốn đầu tư trên 5,6 tỷ đồng.</p> <p>Ký Hợp đồng với Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp để trang bị phần mềm kế toán và quản lý Công ty với vốn đầu tư 0,5 tỷ đồng</p>
17	2014	<p>Tiếp tục đầu tư 05 xe giường nằm thế hệ mới nhất của hãng Hyundai vào hoạt động, tổng vốn đầu tư 16,3 tỷ đồng.</p> <p>Công ty tập trung xây dựng bộ máy quản lý của Công ty nhằm củng cố và chuyên sâu cho các lĩnh vực kinh doanh đang hoạt động. Thuận Thảo hướng đến là đơn vị phục vụ tốt nhất. Việc</p>

		đầu tư được xác định bằng việc xác định giá trị cốt lõi của từng ngành nghề kinh doanh để nâng cao chất lượng và chú trọng vào việc củng cố dịch vụ, đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.
18	Năm 2015	Năm 2015 Công ty không có đầu tư mới vào tài sản mà chú trọng thanh lý nhượng bán các phương tiện vận tải đã cũ để tái cấu trúc tình hình tài chính Công ty. Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý của Công ty đồng thời chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: Dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng, khách sạn, ... nhằm nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh và chất lượng, hiệu quả hoạt động.

#### 4. Thành tích Công ty

- Năm 2005: Được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 2006: được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba; Giải thưởng Sao vàng Đất Việt.
- Năm 2007: Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền Trung; Cúp vàng Thương-Hiệu nhân.
- Năm 2008: Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ; Giải thưởng Sao vàng Đất Việt; Giải thưởng Sao Vàng khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; Giải thưởng vì sự cống hiến cho Miền trung (lần hai); Cúp Vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhân hiệu”; Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT).
- Năm 2009: Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt; Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng; Cúp vàng “Thương hiệu-Nhân hiệu”; Kỷ niệm chương cúp vàng “Thương hiệu-Nhân hiệu”.
- Năm 2010: Danh hiệu: dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Bằng khen của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch.
- Năm 2011: Danh hiệu: Doanh nghiệp Tin nhiệm, Danh hiệu: Dịch vụ xe khách được hài lòng nhất (Báo SGTT); Giấy khen của Hội Doanh nghiệp trẻ Phú Yên; Giải thưởng kiến trúc Quốc gia cho Khách sạn 5 sao CenDeluxe; Giải thưởng quốc tế International Quality Crown Award. Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011.
- Năm 2012: Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Bằng khen của Hội doanh nhân trẻ Tỉnh Phú Yên; Giấy chứng nhận cơ quan văn hóa; Bằng khen của Công an Tỉnh Phú Yên; Bằng khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh Phú Yên.
- Năm 2013: Bằng công nhận Doanh nghiệp văn hóa lần thứ 2.
- Năm 2014: Bằng công nhận Doanh nghiệp văn hóa lần thứ 3.

## **5. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **5.1 Ngành nghề kinh doanh:**

- Vận tải: Vận tải hành khách chất lượng cao, Taxi, Vận tải hàng hóa.
- Dịch vụ vui chơi, giải trí, nhà hàng, tổ chức sự kiện.
- Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản.
- Kinh doanh khách sạn.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết.

### **5.2 Địa bàn kinh doanh:**

- Công ty Cổ phần Thuận Thảo, tại 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo - Khách sạn Cendeluxe, tại 02 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại Thành phố Quy Nhơn, tại Phòng vé xe khách chất lượng cao, Công ty CP Bến xe Bình Định, Đường Tây Sơn, Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên), tại 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.

## **6. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

### **6.1 Mô hình quản trị:**

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

- Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

**Các Công ty con, công ty liên kết:** Không có

## **7. Định hướng phát triển:**

### **7.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Với phương châm kinh doanh đa ngành nghề, luôn đi trước đón đầu, áp dụng công nghệ tiên tiến vào kế hoạch kinh doanh, luôn giữ chữ tín với khách hàng và các đối tác, lấy chất lượng sản phẩm làm mục tiêu phấn đấu và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Nên định hướng phát triển Công ty từ nay đến năm 2016 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ theo mô hình tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, có thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế, tiếp tục đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng phát triển một cách bền vững, tập trung đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực như Vận tải, Khách sạn, Kinh doanh dịch vụ ăn uống, và vui chơi giải trí.
- **Khách hàng mục tiêu:**  
Là các tổ chức, các gia đình, đây là đối tượng khách hàng chính mà Công ty nhắm đến. Các tổ chức, các gia đình là phân khúc thị trường lớn có thu nhập ổn định, bền vững, có sức tiêu dùng cao, khả năng tạo doanh thu lớn.
- **Sản phẩm dịch vụ chính:**  
Thế mạnh của các lĩnh vực kinh doanh hiện tại của Công ty:  
Dịch vụ lưu trú: Khách sạn 5 sao.  
Dịch vụ ăn uống: Nhà hàng, Khu vui chơi giải trí và đặc biệt là công nghệ tiệc cưới.  
Dịch vụ vận tải: Vận tải hành khách, taxi và vận tải hàng hóa.

### **7.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

#### **Tập trung đầu tư, phát triển chiều sâu các lĩnh vực:**

- Khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng Resort & Spa Golden
- Chuyên nghiệp, hiện đại dịch vụ tổ chức tiệc cưới, và các loại tiệc khác.
- Chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng.
- Khách sạn tập trung vào khúc thị trường du lịch MICE, phấn đấu trong hai, ba năm tới Cendeluxe trở thành địa chỉ đầy uy tín của khúc thị trường này.
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống KPIs để đánh giá thực hiện công việc của các bộ phận, phòng ban và tất cả nhân viên.

### **7.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của Công ty;
- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi Công ty có cơ sở trú đóng bằng các đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan phát động.



- Chăm sóc đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động Công ty.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động Công đoàn của Công ty.
- Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng thực hiện trên nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

## **8. Các rủi ro:**

### **8.1 Quản lý rủi ro vốn:**

- Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### **8.2 Các chính sách kế toán chủ yếu:**

- Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

### **8.3 Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:**

- Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá, và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **8.3.1 Quản lý rủi ro thị trường:**

- *Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý của các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.
- *Quản lý rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa.

#### **8.3.2 Quản lý rủi ro tín dụng:**

- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### **8.3.3 Quản lý rủi ro thanh khoản:**

- Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

#### 8.4 Rủi ro về nguồn nhân lực:

- Việc tuyển dụng lao động phổ thông, nhất là tại khu vực nội thành ngày càng khó khăn, do chi phí lao động có xu hướng tăng.
- Chi phí lao động có xu hướng tăng trong các năm qua làm giảm khả năng cạnh tranh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp kinh doanh cùng lĩnh vực nói chung.

#### 8.5 Rủi ro về thị trường và sản phẩm:

- Nhìn chung, năm 2015 các tín hiệu từ thị trường có dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2014. Chính phủ đã kiểm soát tốt chỉ số giá tiêu dùng (CPI).
- Để đạt được kết quả hoạt động trong năm 2015 tốt hơn năm 2014, cũng như để tạo ra lợi nhuận tốt hơn, Công ty phải đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ theo thị hiếu khách hàng, tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng dịch vụ - phục vụ của các dịch vụ vận tải, nhà hàng ăn uống, tổ chức lễ tiệc, hội nghị, vui chơi, giải trí tại Trung tâm vui chơi, giải trí Thuận Thảo: đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường xanh tươi; bổ sung thêm các loại hình vui chơi mới hấp dẫn và hiện đại v.v..., để đưa khu vui chơi - giải trí Thuận Thảo trở thành một công viên vui chơi - giải trí có quy mô và chất lượng ngang tầm với các cơ sở kinh doanh du lịch - giải trí lớn của cả nước.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2015

### 1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2015

- Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2015: Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 thì trọng tâm và mục tiêu công tác của Công ty cụ thể như sau:

+ Các chỉ tiêu tài chính được giao:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	264,6
2	Lợi nhuận sau thuế	4,29

+ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	205,5
2	Lợi nhuận sau thuế	(121,2)

Bảng so sánh kết quả thực hiện năm 2015 với các chỉ tiêu kế hoạch:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%) hoàn thành kế hoạch
1	Doanh thu	260,4	205,5	77,67%
2	Lợi nhuận sau thuế	4,29	(121,2)	-2.827,15%

Chi tiết báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn).

**Tình hình thực hiện 2015 so với thực hiện năm 2014**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2014	So sánh thực tế 2015/2014
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	203,246	221,278	8%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(111,231)	(146,549)	24%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(121,284)	(161,108)	25%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	(121,284)	(161,108)	25%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

#### a. Tổng Giám đốc

Họ và tên : **VÕ THỊ THANH**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 28/06/1955  
Nơi sinh : Hòa Thắng - Phú Hòa - Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220113601 Ngày cấp: 03/10/2010 tại CA Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học - Tuy Hòa - Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật  
Quá trình công tác : Từ năm 1985 đến nay làm việc tại Công ty CP Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 15.093.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 34,69% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

#### b. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên : **VÕ HOÀNG CHƯƠNG**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 15/02/1976  
Nơi sinh : An Thạch, Tuy An, Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220935361 Ngày cấp: 12/7/2010 tại CA Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học - Phường 5 - TP.Tuy Hòa - Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác : Từ năm 1998 đến nay làm việc tại Công ty cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 870.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**c. Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **VÕ THANH MINH HẰNG**  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 16/02/1977  
Nơi sinh : An Thạch, Tuy An, Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220985216 Ngày cấp: 30/10/2002 tại CA Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : 44 Nguyễn Thái Học - Phường 5 - TP.Tuy Hòa - Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác : Từ năm 1998 đến nay làm việc tại Công ty cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 435.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**d. Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : **HUỖNH SỸ CHIẾN**  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 21/04/1974  
Nơi sinh : Tuy An, Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 221112947 Ngày cấp: 17/04/2000 tại CA Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : Tổ 11 - KP 3 - P2 - TP.Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác : Từ năm 2000 đến nay: làm việc tại Công ty cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 18.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.04% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**d. Kế toán trưởng**

Họ và tên : NGUYỄN VĂN NHƯ  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 11/06/1978  
Nơi sinh : Hòa Thắng - Phú Hòa - Phú Yên  
CMND/Hộ chiếu : 220968834 Ngày cấp: 02/6/2014 tại Công an Phú Yên  
Quốc tịch : Việt Nam  
Địa chỉ thường trú : Thôn Mỹ Hòa - Hòa Thắng - Phú Hòa - Tỉnh Phú Yên  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán  
Quá trình công tác : Từ năm 2002 đến nay làm việc tại Công ty cổ phần Thuận Thảo  
Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ  
Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:**

- Năm 2015 Ban Điều hành Công ty có sự thay đổi: bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc thường trực. Ban Điều hành Công ty hiện có 04 người (01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc). Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định Công ty, duy trì và bảo toàn vốn của các cổ đông. Công tác chi đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- a. **Số lượng CBCNV tại thời điểm 31/12/2015: 779 lao động.**
- b. **Các chính sách đối với người lao động:**
  - Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật Lao động, Luật BHXH như: ký HĐLĐ, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ Lễ, phép, việc riêng; trả lương làm thêm giờ, phụ cấp ca đêm; các chế độ BHXH, BHYT; kỷ luật lao động, chính sách đối với lao động nữ; an toàn – BHLĐ.
- c. **Các chế độ phúc lợi khác:**
  - Thương các dịp Lễ, Tết, thưởng thành tích cuối năm.
  - Bồi dưỡng hiện vật tại chỗ.
  - Khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp hằng năm.
  - Đồng phục và BHLĐ.
  - Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng ...

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên về nhà ở đối với nhân viên làm việc xa nhà. (Đối với các nhân viên tại Chi nhánh Tp HCM, Khách sạn, Sinh thái).
- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa: tham quan, du lịch nhằm tạo dựng một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động tinh thần khác nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế lao động, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam ...

### 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính

#### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1,502.241,495,151	1.439,975,050,477	96%
Doanh thu thuần	221.278,431.991	203,246,838.872	91,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(146,549,089,184)	(111,231,683,685)	76%
Lợi nhuận khác	(14,559,660,588)	(10,053,194,380)	69%
Lợi nhuận trước thuế	(161,108,749,772)	(121,284,878,065)	75,2%
Lợi nhuận sau thuế	(161,108,749,772)	(121,284,878,065)	75,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-42,9%		

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,62	0,59	
- Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	0,62	0,59	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	82,4%	90%	
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	17,6%	10%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,15	0,14	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,72%	-0,59%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,60%	-0,84%	
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,11%	-0,88%	
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,66%	-0,55%	

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần:

Stt	Cổ phiếu	2015	2014
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	43.503.000
2	Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
	2.1. Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
	2.2. Cổ phiếu ưu đãi	0	0
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
	3.1. Cổ phiếu lưu hành tự do	43.503.000	43.503.000
	3.2. Cổ phiếu hạn chế theo quy định	0	0
4	Số lượng cổ phiếu giao dịch nước ngoài hoặc bảo trợ phát hành niêm yết tại nước ngoài	0	0

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 04/02/2016 để tổ chức ĐHCĐ thường niên 2016, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

TT	Phân loại	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Tổng số cổ phần	43.503.000	100%
2	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên, trong đó:	15.093.000	34,69%
2.1	Trong nước	15.093.000	34,69%
2.2	Nước ngoài	0	0%
3	Cổ đông nhà nước	0	0%
4	Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5% tổng số cổ phần	5.128.550	11,8%
5	Cổ đông sở hữu nhỏ hơn 1% tổng số cổ phần	23.281.450	53,5%
5.1	Trong nước	23.072.235	53%
5.2	Nước ngoài	209.215	4,6%
6	Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%), trong đó:	54	0,0001%
6.1	Trong nước	54	0,0001%
6.2	Nước ngoài	0	0%
7	Cổ đông cá nhân, trong đó:	43.278.516	99,5%
7.1	Trong nước	43.270.001	99,4%



7.2	Nước ngoài	8.515	0,02%
8	Công đoàn Công ty	0	0%
9	Cổ phiếu quỹ	0	0%

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2015, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2015, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

**5.5. Các chứng khoán khác:**

Công ty không phát hành các loại chứng khoán khác

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2016

### I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH:

Năm 2015 tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi sau suy thoái nhưng triển vọng chưa vững chắc. Ở trong nước tình hình lạm phát được kiềm chế nhưng mục tiêu tăng trưởng kinh tế chưa đạt kế hoạch đề ra, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng vẫn ở mức cao. Tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm so với lãi suất ngân hàng, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới diễn biến phức tạp trên Biển đông, cùng với khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm. Tất cả đã ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty CP Thuận Thảo cũng không nằm ngoài những khó khăn đó.

### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD VÀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2015:

**Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh:**

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	Tỷ lệ % so với kế hoạch
1	Doanh thu từ HĐKD (tỷ đồng)	264,6	205,5	77,67%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	5,5	(121,2)	-2.205,18%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	4,29	(121,2)	-2.827,15%
4	Cổ tức	0,9 %	0%	

#### 1. Chỉ tiêu doanh thu:

Tổng doanh thu thực hiện trong năm 2015 so với Nghị quyết chỉ đạt 77,67 %; tốc độ tăng trưởng so với năm 2014 đạt 90,79 %, trong đó cơ cấu doanh thu như sau:

- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và Taxi thực hiện 110,122 tỷ đồng so với năm 2014 giảm -11,1%.
- Doanh thu kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng 58,212 tỷ đồng so với năm 2014 tăng 6,4 %.
- Doanh thu kinh doanh thương mại 25,905 tỷ đồng so với năm 2014 giảm -30,7 %.
- Doanh thu thành phẩm nước Suga 9,007 tỷ đồng so với năm 2014 tăng 2,75 %.

#### Nguyên nhân:

Kết quả kinh doanh năm 2015 chưa đạt như mong đợi, các chỉ tiêu cơ bản giảm và chưa đạt so với Nghị quyết ĐHĐCĐ và so với năm trước xuất phát từ các nguyên nhân vĩ mô nêu trên còn có một số nguyên nhân khác như:

- Việc giảm cầu tại thị trường địa phương, thị trường ngoài tỉnh là nguyên nhân đầu tiên đối với các lĩnh vực kinh doanh của công ty.
- Các phương tiện vận tải của công ty đã hoạt động nhiều năm, xuống cấp, trong khi đó khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay để có nguồn vốn đầu tư nâng cấp, đầu tư bổ sung phương tiện mới để thanh lý phương tiện cũ giữ khách hàng và phát huy hiệu quả kinh doanh.
- Việc đầu tư của dự án Khu du lịch Sinh thái dân trái, dịch vụ trùng lặp, cơ sở hạ tầng xuống cấp ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ.
- Dự án Khách sạn đầu tư với tiêu chuẩn quá tầm so với thị trường địa phương, lượng khách ngoài tỉnh hạn chế do hạn chế sản phẩm du lịch của Tỉnh, các dự án đầu tư tại Phú Yên chậm hoặc không triển khai nên việc khai thác không hiệu quả.
- Việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy nhân sự quản lý công ty chưa phát huy được hiệu quả, trách nhiệm còn chông chéo chưa rõ ràng dẫn đến xử lý công việc còn trì trệ, thiếu chuyên nghiệp. Bộ máy Lãnh đạo Công ty hiện tại chưa xứng tầm với quy mô đầu tư và yêu cầu tổ chức bộ máy hoạt động kinh doanh của Công ty hiện tại.
- Chưa khai thác hết lợi thế của Thuận Thảo về thương hiệu, dự án đầu tư và hệ thống phân phối để phát triển cơ sở khách hàng.
- Ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh với lợi thế kinh doanh mới và một số đối thủ tồn tại với chiêu thức kinh doanh và cạnh tranh không lành mạnh.

## 2. Chỉ tiêu lợi nhuận:

- Năm 2015 lỗ tổng số là: 121.284 tỷ đồng. Lỗ của năm trước là: 186.627 tỷ đồng. Theo ý kiến ngoại trừ Báo cáo tài chính năm 2014 của kiểm toán: nếu công ty ghi nhận đúng niên độ thì khoản lỗ năm 2014 giảm đi: 25.519 tỷ đồng do thực hiện hồi tố ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại báo tài chính được kiểm toán năm 2013 gồm Công ty đã không ghi nhận chi phí phạt chậm nộp thuế với số tiền là : 13,187 tỷ đồng và phân bổ giá trị lợi thế thương mại với số tiền là : 12,332 tỷ đồng trong báo cáo tài chính năm 2013 mà thực hiện ghi nhận trực tiếp vào báo cáo tài chính năm 2014. Như vậy số thực lỗ của năm 2014 là: 161,108 tỷ đồng.
- Nguyên nhân lỗ chủ yếu là do doanh thu các hoạt động kinh doanh chính của Công ty không đủ bù đắp các khoản chi phí lớn như chi phí lãi vay 77,247 tỷ đồng, chi phí khấu hao 37,627 tỷ đồng, chi phí phạt chậm nộp thuế, chi phí tiền lương ...
- Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban Lãnh đạo Công ty đang thực hiện làm việc lại với các tổ chức tín dụng để xin giảm, miễn lãi suất cho vay và chi phí lãi vay phải trả của các năm trước và làm việc với cơ quan thuế xin gia hạn, miễn giảm cho các khoản thuế phạt chậm nộp của Công ty.
- Ngoài ra, trước áp lực tài chính Công ty sẽ thanh lý, chuyển nhượng một hoặc một số lĩnh vực kinh doanh để giảm nợ, có nguồn vốn để tái cấu trúc, đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp các lĩnh vực còn lại tạo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện khôi phục lại các lĩnh vực kinh doanh có tính chất chiến lược lớn về cơ sở hạ tầng để tạo sự đột phá về nguồn vốn. Cùng với đó Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban Lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2016 của Công ty sẽ những bước đột phá lớn.

### III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016:

#### 1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH:

Sau khi gia nhập TPP, Việt Nam sẽ thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ khác trước, dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam sẽ tăng nhanh và rất lớn nhằm tận dụng những gì mà hiệp định đem lại. Theo nhận định về kinh tế Việt Nam 2016 của các chuyên gia kinh tế: Kinh tế Việt Nam đang đứng trước những cơ hội lẫn thách thức rất lớn cho sự phát triển. Tuy nhiên trong giai đoạn trước mắt, Việt Nam vẫn còn phải chuẩn bị các điều kiện để hội nhập sau rộng, vẫn nên chú trọng vào duy trì ổn định hơn là tăng trưởng nhanh. Theo đó, phương hướng hoạt động kinh doanh của Thuận Thảo trong năm 2016 được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty thống nhất và trình ĐHCĐ, thông qua:

#### 2. Mục tiêu :

Tổng doanh thu	:	68.73 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	:	1.17 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	:	912.6 triệu đồng

#### 3. Chiến lược kinh doanh:

- Tiếp tục tái cấu trúc hệ thống quản lý Công ty đồng thời chuyên sâu khai thác, phát triển các lĩnh vực đã đầu tư: Dịch vụ ăn uống, giải trí, nhà hàng, khách sạn, ... nhằm nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh và chất lượng, hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty.
- Tập trung nguồn lực để triển khai việc chuyển nhượng một số dự án lớn tạo dòng tiền khác và mang lại hiệu quả, lợi nhuận cho Công ty và Cổ đông.
- Liên kết tổ chức các sự kiện mang tầm quốc gia, khu vực để tạo ra những điểm nhấn, sức hấp dẫn thu hút khách đến với Phú Yên, đến với Thuận Thảo để tạo điều kiện quảng bá, tìm kiếm, lựa chọn đối tác liên kết chuyển nhượng các dự án.
- Phát triển lĩnh vực phục vụ du lịch ra tầm khu vực Nam Trung Bộ.
- Đẩy mạnh và phát huy hiệu quả công tác marketing và truyền thông cho sản phẩm dịch vụ toàn Công ty.
- Tiếp tục chủ động hơn trong quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin được minh bạch, tạo sự tin tưởng, an tâm cho các cổ đông, nhà đầu tư.

#### 4. Giải pháp thực hiện chính yếu:

##### 4.1 Về hoạt động kinh doanh và đầu tư:

- Đối với Khách sạn chú trọng khúc thị trường MICE, tiệc cưới, hội nghị, sinh nhật tạo sự khác biệt với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, đẩy mạnh khai thác thị trường khách tour, giao chỉ tiêu cụ thể cho Công ty H&K trong việc đưa khách về Khách sạn.
- Riêng đối với Khu du lịch Sinh thái sẽ rà soát lại nhân sự và đào tạo nâng cao nghiệp vụ phù hợp với chất lượng dịch vụ cam kết cung cấp cho khách hàng: Khảo sát đánh

giá mức độ xuống cấp của các công trình hiện tại nhằm cải tạo nâng cấp và làm mới; tôn tạo lại cảnh quang một số khu vực phù hợp với mô hình kinh doanh; quy hoạch lại dịch vụ tránh trùng lặp; cải tiến thực đơn món ăn, tổ chức thi tay nghề cho đầu bếp. Chú trọng khai thác tiệc quy mô lớn, phát huy lợi thế độc quyền hiện tại.

- Đối với bộ phận Resort: mở rộng công suất phục vụ khách hàng vào mùa nắng tận dụng tối đa bờ biển, tiến hành đầu tư giai đoạn 2 dự án Resort tạo thế mạnh trong lợi thế cạnh tranh.

#### **4.2 Về lương, thưởng:**

- Đối với các Bộ phận, Chi nhánh trực tiếp kinh doanh, phục vụ thì áp dụng khoán lương trên lợi nhuận; Đối với các Phòng, Ban trả lương theo đánh giá KPIs hàng tháng. Từ đó khuyến khích người lao động cải tiến và phát huy tối đa hiệu suất công việc, đồng thời kích thích tinh thần lao động tích cực của nhân viên.

#### **4.3 Về nhân sự:**

- Rà soát tinh giảm bộ máy nhân sự, quy hoạch lại con người bố trí đúng người đúng việc phát huy thế mạnh của từng người.
- Tăng cường nhân sự của bộ máy Lãnh đạo để đủ mạnh điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng chính sách thu hút được nhân tài và giữ được nhân sự có năng lực để hoàn thiện bộ máy.
- Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ đội ngũ nhân viên đảm bảo hoàn thành tốt nhất yêu cầu ngày càng cao của công việc.

#### **4.4 Về thị trường:**

- Duy trì và phát triển thị phần trong nhóm khách hàng cũ trên cơ sở phân tích bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Phát triển khách hàng mới trên cơ sở nghiên cứu đối thủ cạnh tranh, khách hàng chiến lược mới, phân tích nội bộ...nhằm xây dựng chiến lược, chính sách cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.

#### **4.5 Về quản lý chi phí:**

- Luôn luôn đẩy mạnh các hoạt động cải tiến, cắt giảm một cách tối đa các lãng phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Giảm tối đa chi phí quản lý bằng việc cấp phát chi phí theo định mức nhằm giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh, tăng lợi nhuận.

#### **4.6 Về Marketing:**

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt và tích cực hơn nữa các giải pháp trong chiến lược Marketing tổng hợp. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá các sản phẩm/dịch vụ nhằm khẳng định và đưa hình ảnh Thuận Thảo ngày càng trở nên thân thuộc với công chúng và khách hàng. Tăng cường quan hệ cổ đông, công tác đối ngoại.


#### **4.7 Về tình hình tài chính:**

- Tập trung thu hồi cộng nợ, thu hồi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn để giảm chi phí tài chính tăng lợi nhuận và có nguồn vốn để tái đầu tư.

#### **KẾT LUẬN:**

- Trong bối cảnh môi trường kinh tế quốc tế vẫn đang có những diễn biến phức tạp, nền kinh tế trong nước chưa mấy khởi sắc, các giải pháp kinh doanh năm 2016 của Thuận Thảo tập trung hướng tới những mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, nhằm củng cố và phát huy những giá trị cốt lõi trên nền tảng nội lực vững chắc mà Thuận Thảo xây dựng trong suốt 25 năm qua.
- Trong thời gian tới, Thuận Thảo sẽ tập trung vào việc đầu tư chiều sâu cho hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh; với sự hậu thuẫn của Quý vị cổ đông, HĐQT, BTGD cùng tập thể người lao động toàn Công ty ra sức củng cố và phát huy những thành quả kinh doanh đã đạt được: không ngừng đổi mới phương thức kinh doanh, xây dựng thương hiệu ngày càng vững mạnh; tiếp tục nâng cao và hoàn thiện chất lượng sản phẩm/dịch vụ, phục vụ... với mong muốn thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng, vì mục tiêu phấn đấu của Công ty: “THUẬN THẢO là đơn vị cung cấp dịch vụ tốt nhất”.

**Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**VŨ THỊ THANH**

## 1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

### a. Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2015

- Năm 2015 cũng là một năm thăng trầm của nền kinh tế, tình hình chung của nền kinh tế vẫn chưa hết khó khăn. Đối với Tỉnh Phú Yên việc chuyển dịch kinh tế diễn ra chậm, cụ thể: các dự án đầu tư thì chậm triển khai hoặc không triển khai, một số dự án Tỉnh thu hồi. Đặc biệt đối với ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Thuận Thảo là dịch vụ thì năm qua là một năm đầy bất lợi: về phát triển Du lịch tại tỉnh nhà.
- Trong điều kiện nền kinh tế bất lợi, HĐQT đã điều hành và chỉ đạo Công ty theo hướng duy trì và củng cố chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của đối tượng khách hàng đang hướng tới của từng sản phẩm, dịch vụ đang kinh doanh từ đó định hình một cách rõ ràng về mô hình tổ chức hoạt động. Không mở rộng quy mô hoạt động dàn trải mà tinh lọc chú trọng vào các sản phẩm/ dịch vụ có khả năng mang lại lợi nhuận cao. Đây cũng là tiền đề và định hướng cho hoạt động Công ty trong năm 2016.
- Năm 2015 Hội đồng quản trị có thay đổi thành viên HĐQT được bầu tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015. Tổng số thành viên HĐQT là 5 thành viên đúng nội dung đã quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành, cụ thể:

TT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ KIỂM NHIỆM	GHI CHÚ
1	Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT	Tổng Giám đốc	
2	Ông Võ Văn Thuận	TV HĐQT	Cố vấn	Thành viên đến 05/6/2015
3	Bà Võ Thanh Minh Hằng	TV HĐQT	Phó TGD	
4	Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	TV HĐQT	Giám đốc tài chính	
5	Ông Lương Ngọc Khánh	TV HĐQT	Không	Thành viên đến 05/6/2015
6	Ông Võ Hoàng Chương	TV HĐQT	Phó TGD	Thành viên từ 06/6/2015
7	Ông Trần Quốc Hiến	TV HĐQT	Không	Thành viên từ 06/6/2015

- HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp HĐQT và họp HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh

doanh; hoạch định chiến lược kinh doanh theo quý, năm; định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh.

- Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT tham gia tất cả các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm sát tình hình chỉ đạo, quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Đặc biệt trong giai đoạn Công ty đang gặp khó khăn về tài chính, HĐQT đã có những quyết sách phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động bình thường cho Công ty. HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc sẽ thanh lý, chuyển nhượng một hoặc một số lĩnh vực kinh doanh để giảm nợ, có nguồn vốn để tái cấu trúc, đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp các lĩnh vực còn lại tạo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và tạo điều kiện khôi phục lại các lĩnh vực kinh doanh có tính chất chiến lược lớn về cơ sở hạ tầng để tạo sự đột phá về nguồn vốn. Cùng với đó Công ty thực hiện tạm ngưng một số mảng kinh doanh dãn trải, không hiệu quả, tập trung phát triển chuyên sâu, củng cố chất lượng dịch vụ, tiết giảm chi phí hoạt động như tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban Lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2016 của Công ty sẽ những bước đột phá lớn.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:
  - + Tiểu Ban Nhân sự của HĐQT trước đây do bà Đặng Thị Nguyệt Thương phụ trách nay ở nhiệm kỳ mới do ông Trần Quốc Hiến phụ trách (tháng 6/2015), trong năm 2015 tiểu ban Nhân sự của HĐQT tham gia giám sát, chỉ đạo công tác điều hành nhân sự của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Đặc biệt là chỉ đạo xây dựng chính sách nhằm thu hút được nhân sự ngành vận tải đang cạnh tranh nhân sự lớn, các mảng kinh doanh khác và bộ phận quản lý chung thực hiện xác định lại định biên nhân sự phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty. Với phương châm tinh giảm nhân sự và nâng cao năng lực của từng nhân viên làm cho nhân viên trở nên chuyên nghiệp hơn trở thành một đội ngũ tinh nhuệ vì vậy mặc dù số lượng nhân sự giảm nhưng chất lượng công việc vẫn đảm bảo.
  - + Tiểu Ban lương thưởng của HĐQT do ông Lương Ngọc Khánh phụ trách ở nhiệm kỳ mới là ông Võ Hoàng Chương đã chỉ đạo thực hiện bám sát chính sách lương đã ban hành năm 2015 được duyệt từ đầu năm thông qua việc xây dựng chính sách thưởng kích thích trên doanh thu hoặc lợi nhuận để tạo động lực cho các bộ phận nỗ lực phấn đấu. Bên cạnh đó xây dựng bộ đánh giá tiêu chí KPIs cho nhân viên khối văn phòng, năm 2016 sẽ thực hiện đánh giá KPIs cho 100% nhân sự khối văn phòng bao gồm các trưởng, phó phòng và toàn bộ nhân viên.

**b. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2015**

- Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2015: Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 thì trọng tâm và mục tiêu công tác của Công ty cụ thể như sau:
  - + Các chỉ tiêu tài chính được giao:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Doanh thu	264,60
2	Lợi nhuận sau thuế	4,29



Năm 2015 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu các hoạt động kinh doanh chính của Công ty không đủ bù đắp các khoản chi phí như chi phí lãi vay, chi phí khấu hao, chi phí lương... Tình hình thực hiện trong năm 2015 không hoàn thành so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015 đề ra.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng doanh thu	205,51
2	Lợi nhuận sau thuế	(121,28)

+ Bảng so sánh kết quả thực hiện năm 2015 với các chỉ tiêu kế hoạch:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%) hoàn thành kế hoạch
1	Tổng doanh thu	264,60	205,51	77,67%
2	Lợi nhuận sau thuế	4,29	(121,28)	-2.827,15%

Chi tiết báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn).

• **Các hoạt động tài chính:**

- Vay ngắn hạn và dài hạn nhận được : 76,68 tỷ đồng
- Chi trả nợ gốc vay : 101,56 tỷ đồng

• **Thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước:**

Trong năm 2015, Công ty cổ phần Thuận thảo đã nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 5.573 tỷ đồng.

**2. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM**

**a. Đầu tư:**

Trong năm, Công ty không có đầu tư vào TSCĐ hữu hình như mua sắm, xây dựng nhà cửa, kiến trúc... mà Công ty chú trọng thanh lý nhượng bán các phương tiện vận tải đã cũ để tái cấu trúc tình hình tài chính Công ty với tổng giá trị thanh lý nhượng bán các phương tiện vận tải là 19,8 tỷ đồng. Để xử lý những khó khăn về tài chính, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thanh lý, chuyển nhượng một số tài sản để giảm nợ ngân hàng, nợ cá nhân, có nguồn vốn để tái cấu trúc, đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp các lĩnh vực còn lại tạo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh.

**b. XDCB dở dang:**

- Sửa chữa TSCĐ: 6,205 tỷ đồng.

**3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2016**

**a. Kế hoạch SXKD năm 2016**

Năm 2016 được xác định là một năm tiếp tục rất khó khăn bởi còn nhiều bất ổn của nền kinh tế. Tuy nhiên chúng ta vẫn nhận được những tín hiệu khởi sắc tại địa bàn tỉnh Phú

Yên như: dự án hầm đường bộ Đèo Cả đang trong giai đoạn hoàn tất, hầm đèo Cù Mông đang triển khai sẽ thuận lợi cho việc thông thương giữa các Tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ; Dự án Nhà máy Lọc dầu Vũng Rô đã được triển khai, dự án phát triển cụm kinh tế Miền Trung và Tây nguyên, mở rộng cảng Vũng Rô... trong đó Phú Yên nằm ở vị trí cửa ngõ của phát triển kinh tế vùng hướng biên Đông; Cùng với thông tin giá xăng dầu giảm từ đầu năm và việc kiểm chế lạm phát theo chủ trương của Nhà nước... là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2016.

Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện làm việc lại với các tổ chức tín dụng để xin giảm, miễn lãi suất cho vay và chi phí lãi vay phải trả của các năm trước và làm việc với cơ quan thuế xin gia hạn, miễn giảm cho các khoản thuế phạt chậm nộp của Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2016 sẽ được cải thiện, không còn lỗ. Công ty sẽ phấn đấu và đạt được kế hoạch trong năm 2016 như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỉ lệ % so với 2015
1	Doanh thu	205,51	68,73	33,44%
2	Lợi nhuận sau thuế	(121,28)	0,912	200,75%
3	Cổ tức	0	0	

#### **b. Một số nhiệm vụ trọng tâm 2016**

Với những nhận định trên, HĐQT thống nhất đưa ra một số định hướng triển khai kế hoạch kinh doanh và các giải pháp trọng tâm trong năm 2016 như sau:

- Để xử lý những khó khăn về tài chính, HĐQT tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc sẽ thanh lý, chuyển nhượng một hoặc một số lĩnh vực kinh doanh để giảm nợ ngân hàng, nợ thuế, nợ cá nhân, đồng thời xử lý các tài sản thế chấp hiện đang vay vốn tại các ngân hàng theo đúng luật định, có nguồn vốn để tái cấu trúc, đầu tư sửa chữa, tôn tạo, nâng cấp các lĩnh vực còn lại tạo sự ổn định trong sản xuất kinh doanh.
- Kiên quyết chỉ đạo Ban TGD Công ty tái cấu trúc lại bộ máy quản trị từ Ban Tổng Giám đốc đến các bộ phận, phòng, ban chức năng đủ năng lực để thực hiện hết chức năng được giao theo đúng chỉ tiêu đã đề ra. Xây dựng các chính sách cho người lao động hấp dẫn nhằm thu hút được nhân tài và giữ được những nhân sự có năng lực.
- Tiếp tục rà soát lại các mảng kinh doanh của Công ty, ở từng sản phẩm dịch vụ về khả năng sinh lời để có định hướng tập trung đầu tư và phát triển, đồng thời cắt bỏ các mảng kinh doanh không hiệu quả mang lại gánh nặng tài chính cho Công ty. Trong đó ưu tiên các mảng kinh doanh đã có thương hiệu và là thế mạnh của Công ty trong những năm qua. Đối với những tài sản không mang lại khả năng sinh lời thì phải xử lý hoặc có phương án trình HĐQT xử lý.
- Hoạt động đầu tư: Ban Tổng Giám đốc Công ty ưu tiên đầu tư vào đổi mới phương tiện vận tải và triển khai giai đoạn 2 dự án Resort Thuận Thảo.
- Hoạt động tài chính: tập trung thu hồi các công nợ để có vốn đầu tư, làm việc với các tổ chức tín dụng đang giao dịch nhằm điều chỉnh chính sách lãi phù hợp với quy định

của Ngân hàng Nhà nước theo từng thời điểm. Ưu tiên thực hiện nghĩa vụ về thuế và các chính sách cho người lao động: lương, BHXH....

- Tiếp tục xây dựng chiến lược trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Từng bước tăng cường năng lực tài chính nhằm duy trì khả năng kiểm soát đảm bảo hoạt động kinh doanh Công ty không bị thụ động vào nguồn vốn.
- Tìm nhà đầu tư, hợp tác liên doanh - liên kết để huy động nguồn vốn tiến hành giai đoạn 2 Khu Resort Thuận Thảo.
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty nhằm thúc đẩy để thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đề ra của Đại hội đồng cổ đông.
- Kiện toàn hệ thống quy trình, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, tiết giảm chi phí.
- Tiếp tục chủ động hơn trong quan hệ và duy trì cơ chế thông tin đối với cổ đông, nhà đầu tư nhằm đảm bảo thông tin được minh bạch, tạo sự tin tưởng, an tâm cho các cổ đông, nhà đầu tư.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thuận Thảo năm 2015 và những mục tiêu cơ bản của năm 2016. Với chiến lược đúng đắn của HĐQT và sự ủng hộ của các Cổ đông, chúng tôi tin tưởng rằng các chỉ tiêu kế hoạch 2016 được nêu ra trong báo cáo này sẽ thực hiện thành công.

**Nơi nhận:**

- Ni;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH  
  
VÕ THỊ THANH



11/2015

## **BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tiến hành nhiều hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức của Công ty Cổ phần Thuận Thảo trong việc quản lý, điều hành toàn bộ các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và Bộ máy quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo qui định của Pháp luật bao gồm: nghĩa vụ Thuế, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác.
- Ban kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc, đưa ra các kiến nghị với HĐQT - Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, dịch vụ và đầu tư năm 2015.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2015, kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và năm của Công ty; phối hợp với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) xem xét ảnh hưởng của các sai sót trọng yếu trong kế toán và báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính; Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

### **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH:**

#### **1. Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính:**

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện.

#### **2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính:**

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Thực hiện 2014
1	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,59	0,62
2	Nợ phải trả/Vốn điều lệ	Lần	9,09	4,69
3	Cơ cấu nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	90,1/9,9	82,4/17,5
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-8,4	-12,4
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	-27,9	-42,9
6	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	-59,7	-84,3

- Chỉ tiêu tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn bằng 0,59 lần so với năm trước giảm xuống – 0,03 lần chứng tỏ rằng tài sản ngắn hạn không đủ bù đắp cho nợ ngắn hạn. Công ty đang sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các tài sản dài hạn và điều này tiềm ẩn nguy cơ mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn rất lớn. Trong khi đó, công nợ phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng rất lớn 98,7% trong cơ cấu tài sản ngắn hạn. Phần lớn các khoản phải thu tại các đơn vị đang đầu tư chưa có doanh thu hoặc các đơn vị đang gặp khó khăn về tài chính như Khoản nợ gốc và lãi vay 453.632,5 triệu đồng của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn; Công ty CHC 32.939,1 triệu đồng. Như vậy các khoản phải thu trên khó có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Do đó, rủi ro về mất khả năng thanh toán của Công ty là rất lớn.
- Chỉ tiêu Nợ phải trả/Tổng tài sản 90,1%; Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn 9,9%. Như vậy cơ cấu Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu bằng 90,1%/9,9% cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty đang ở mức không an toàn. Hoạt động sản xuất kinh doanh đang phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay ngân hàng và vốn chiếm dụng thương mại khác khả năng đảm bảo mức an toàn về tài chính và hiệu quả hoạt động là rất thấp.
- a) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Phú Tài (BIDV Phú Tài) ngắn hạn và dài hạn đến 31/12/2015 là: 625.057,7 triệu đồng, để đầu tư cho các hạng mục thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên và đầu tư dự án Resort tại đường Độc Lập, Phường 7, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên đến 31/12/2015 có số dư là: 625.057,7 triệu đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, trung dài hạn tại BIDV Phú Tài gồm: toàn bộ công trình trên đất và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.  
Theo thông báo số 1016/BIDV.PT-KHDN2 ngày 01/9/2015 thì BIDV Phú Tài đã bán toàn bộ các khoản nợ này cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) kể từ ngày 31/8/2015. Sau khi bán nợ BIDV được VAMC ủy quyền tiếp tục thực hiện quản lý, giám sát khoản nợ và tài sản đảm bảo của khoản nợ.
- b) Vay của chi nhánh Ngân hàng Thương mại Công thương Phú Yên (VietinBank Phú Yên) theo hợp đồng số 01/2014-HĐTĐHM/NHCT560 vào tháng 09/2014 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn resort, thương mại, sưa. Số dư đến 31/12/2015 là 13.566,6 triệu đồng. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và các tài sản xe tải, xe khách thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thuận Thảo. Đến nay đã quá hạn trả nợ.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bằng -8.4% và lợi nhuận sau thuế/doanh thu bằng -59.7% và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ bằng -27.9% thể hiện trong năm Công ty lỗ thuần (121.470.2) triệu đồng, lũy kế đến 31/12/2015. Công ty lỗ thuần (303.978.373.650) đồng.

⇒ Tóm lại kết cấu tài sản và kết cấu nguồn vốn năm 2016 nói chung không có thay đổi lớn giữa 2 năm. Tài sản cố định chiếm gần 2/3 tổng tài sản do đó định phí chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí, là nguyên nhân chính của việc kinh doanh thua lỗ. Hơn nữa các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty (380.614.072.277) đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác như các khoản vay đến hạn trả và lãi vay chưa thanh toán, các khoản thuế và lãi phạt chậm nộp thuế cho thấy Công ty gặp áp lực về thanh khoản, các yêu cầu về an toàn tài chính chưa đảm bảo, đang tiềm tàng nhiều nguy cơ rủi ro rất lớn.

### III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ 2015:

- Về Doanh thu: thực hiện năm 2015 là 205.511,8 triệu đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ chỉ đạt 77.67% hay số tiền giảm xuống là -59.088 triệu đồng.
- Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện lỗ -121.284,8 triệu đồng so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 số tiền giảm xuống là -125.574,8 triệu đồng.
- Phân phối lợi nhuận: không thực hiện.
- Kế hoạch chi trả thù lao năm 2015 của HĐQT, Ban thư ký và Ban kiểm soát là: 349,2 triệu đồng, thực hiện chi trả là: 337,45 triệu đồng.

### IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT:

- HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm.
- HĐQT đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
  - a. Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 16/11/2015 về việc “Tổng nhất chủ trương bán thanh lý 03 xe ô tô khách và xe Lexus” để trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên và Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nha Trang.
  - b. Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 19/12/2015 về việc “Bán nợ tại Ngân hàng Liên Việt” Tài sản thế chấp gồm 62 xe ô tô các loại và máy móc thiết bị gồm: 02 máy phát điện, 1 bộ chuyên nguồn, 1 tủ hòa đồng bộ; 02 máy sản xuất nước đá, 1 kho lạnh và hệ thống làm lạnh. Giá trị còn lại: 45.069.578.252 đồng, Số dư nợ tiền vay là 43.664.270.908 đồng đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Khánh Hòa từ ngày 16/5/2013.
  - c. Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 27/12/2015 về việc “ thông qua chủ trương bán 05 xe giường nằm” để trả nợ cho ngân hàng TM-CP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.
- ⇒ Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2015 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

## V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Năm 2015 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu các hoạt động kinh doanh chính của Công ty không đủ bù đắp các khoản chi phí như chi phí lãi vay, chi phí khấu hao, chi phí lương... Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã cố gắng, nỗ lực trong công tác điều hành để duy trì ổn định Công ty, công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## VI. SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Trong năm 2015, BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về Nghị quyết, Quyết định HĐQT và tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và đột xuất của HĐQT.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp hàng tháng của Ban Tổng Giám đốc.
- Tham gia dự thảo, soát xét hệ thống tài liệu quản trị của Công ty như quy chế, quy định, quyết định, quy trình v.v...
- Đối với cổ đông: Trong năm BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban TGD.
- ⇒ Nhìn chung trong quá thực thi nhiệm vụ của mình BKS đã được HĐQT, Ban TGD và các Phòng, Ban, Bộ phận, Chi nhánh trong Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

## VII. KIẾN NGHỊ CỦA BKS:

- Về công nợ: Đề nghị HĐQT, Ban TGD tiếp tục chỉ đạo và kiên quyết xử lý giải quyết dứt điểm từng trường hợp đối với các khoản nợ tồn tại, đặc biệt là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn đã hết hạn đối với Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn số tiền là 400.000 triệu đồng, khoản lãi vay phải trả là 53.632,5 triệu đồng; khoản nợ phải thu của Công ty CHC là: 36.758,2 triệu đồng và thanh lý khoản ứng trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh là: 30.000 triệu đồng. Nếu thu hồi được những khoản nợ trên thì Công ty không bị áp lực về thanh khoản.
- Xây dựng kế hoạch SXKD hằng năm phù hợp với năng lực, nguồn lực của Công ty để đảm bảo kế hoạch đề ra khi thực hiện có tính khả thi cao.

- Khẩn trương thực hiện các nội dung có liên quan đến việc tái cơ cấu tài chính của Công ty. Lựa chọn và tập trung các nguồn lực đầu tư cho các bộ phận, lĩnh vực hoạt động hiệu quả.

#### **VIII. KẾ HOẠCH NĂM 2016 CỦA BKS:**

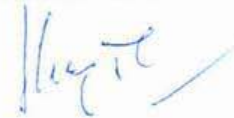
- Phân công trách nhiệm từng thành viên, để thực hiện và hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Tiếp tục giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2015.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phù hợp với điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với Pháp luật.
- Tham gia ý kiến, góp ý tham mưu cho HĐQT, Ban TGD, đặc biệt là những vấn đề tiềm ẩn có khả năng ảnh hưởng, rủi ro đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các Phòng, Ban, Bộ phận và Chi nhánh.

Trên đây là báo cáo hoạt động của BKS năm 2015, kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 xem xét và thông qua.

Kính chúc Quý đại biểu cùng toàn thể Cổ đông sức khỏe, chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng kính chào./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**NGUYỄN HỮU AN**



### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Tổng tiền thù lao HĐQT, Ban thư ký 2015: 288.250.000 đồng/năm (*Hai trăm tám mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*).
- Tổng tiền thù lao Ban kiểm soát 2015: 49.200.000 đồng/năm (*Bốn mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng*).

Thực hiện chi trả thù lao năm 2015 nằm trong khung mà mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông năm 2015 đã thông qua.

#### **3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và những người liên quan:**

**Không có**

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *Không có*

#### **3.3. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Năm 2015 Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, tuy nhiên để tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty, Công ty có kế hoạch như sau:

- Tăng cường việc liên lạc định kỳ/không định kỳ với cổ đông lớn của Công ty.
- Tăng cường chế độ thông tin tình hình Công ty cho thành viên HĐQT độc lập, Ban Kiểm soát.
- Thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật về quản trị Công ty.
- Định kỳ HĐQT họp ít nhất 1 lần/quý để kiểm tra tình hình hoạt động Công ty.
- Xem xét, hiệu chỉnh Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo qui định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình Công ty hiện nay.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

#### **Ý kiến của kiểm toán viên dựa trên kết quả công việc kiểm toán:**

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo như thuyết minh V.4, V.5 (trang 18) thì khoản nợ gốc cho vay và lãi cho vay phải thu của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn lần lượt là 400.000.000.000 đồng và 53.632.500.000 đồng. Căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng cho vay vốn ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên thì hiện khoản nợ này đã quá hạn thanh toán hơn 2 năm theo như qui định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về nguyên tắc xác định thời hạn quá hạn của khoản nợ, tuy nhiên trong năm Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản nợ này. Nếu trích lập dự phòng theo như qui định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 về việc hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn trên 2 năm với tỉ lệ trích là 70% thì khoản lỗ trong năm và lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2015 tăng lên một khoản tương ứng là 317.542.750.000 đồng.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.9 (trang 37) trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả và đánh giá một số vấn đề về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính cho năm tài chính 2015 của Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua.

### 1. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Được tách riêng như phụ lục kèm theo báo cáo này.

Đã được đăng tải trên Website Công ty theo địa chỉ: [www.thuanthao.com.vn](http://www.thuanthao.com.vn)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC  
  
VÔ THỊ THANH



---

## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
đã được kiểm toán

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 39



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Thảo (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### Khái quát

Công ty cổ phần Thuận Thảo là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty cổ phần Thuận Thảo, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát Karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa ( tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 03 đường Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### Hội đồng Quản trị:

Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Thành viên (từ 06/06/2015)
Ông Võ Văn Thuận	Thành viên (đến 05/06/2015)
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên
Ông Trần Quốc Hiến	Thành viên (từ 06/06/2015)
Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên (đến 05/06/2015)
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên (đến 28/01/2016)

#### Ban Tổng Giám đốc:

Bà Võ Thị Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
Ông Dương Ngọc Trát	Thành viên (từ 06/06/2015)
Bà Lương Thị Ngọc Thúy	Thành viên (từ 06/06/2015)
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên (đến 05/06/2015)
Bà Nguyễn Thị Ánh Loan	Thành viên (đến 05/06/2015)

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

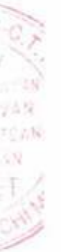
Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**



**Võ Thị Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Số: 71/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Thuận Thảo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Thuận Thảo, được lập ngày 26/02/2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo như thuyết minh V.4, V.5 (trang 18) thì khoản nợ gốc cho vay và lãi cho vay phải thu của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn lần lượt là 400.000.000.000 đồng và 53.632.500.000 đồng. Căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng cho vay vốn ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên thì hiện khoản nợ này đã quá hạn thanh toán hơn 2 năm theo như qui định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về nguyên tắc xác định thời hạn quá hạn của khoản nợ, tuy nhiên trong năm Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản nợ này. Nếu trích lập dự phòng theo như qui định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 về việc hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn trên 2 năm với tỉ lệ trích là 70% thì khoản lỗ trong năm và lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2015 tăng lên một khoản tương ứng là 317.542.750.000 đồng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thuận Thảo tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.9 (trang 37) trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả và đánh giá một số vấn đề về tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính cho năm tài chính 2015 của Công ty.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**



**Nguyễn Thị Lan**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0167-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 26 tháng 02 năm 2016

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Anh Tuấn**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1559-2013-152-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>550.524.500.022</b>	<b>538.388.873.348</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>622.656.037</b>	<b>299.754.211</b>
1. Tiền	111		622.656.037	299.754.211
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>543.440.354.939</b>	<b>530.266.597.605</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	17.328.196.813	2.207.993.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	33.246.790.509	32.166.491.364
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	400.000.000.000	400.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	92.865.367.617	95.892.112.953
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140	V.6	<b>3.506.516.107</b>	<b>4.004.369.033</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.506.516.107	4.004.369.033
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>2.954.972.939</b>	<b>3.818.152.499</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.954.972.939	3.818.152.499
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>889.450.550.455</b>	<b>963.852.621.803</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210	V.5	<b>461.000.000</b>	<b>468.600.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		461.000.000	468.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>824.433.588.156</b>	<b>883.681.744.316</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	824.433.588.156	883.681.744.316
- Nguyên giá	222		1.045.393.376.129	1.081.715.390.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.959.787.973)	(198.033.646.383)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>6.205.442.291</b>	<b>6.025.080.434</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	6.205.442.291	6.025.080.434
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>58.350.520.008</b>	<b>73.677.197.053</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	58.350.520.008	73.677.197.053
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.439.975.050.477</b>	<b>1.502.241.495.151</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO  
 SỐ 03 HẢI DƯƠNG  
 THÀNH PHỐ TUY HÒA  
 TỈNH PHÚ YÊN  
 VIỆT NAM

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>1.297.115.625.184</b>	<b>1.238.097.191.793</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>931.138.567.940</b>	<b>858.689.894.896</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	21.163.723.053	23.623.477.476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	408.513.508	494.773.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	108.628.795.810	92.469.961.148
4. Phải trả người lao động	314		5.768.305.241	4.834.837.611
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	386.256.151.922	315.639.867.429
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	3.628.444.704	1.756.873.882
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.277.652.005	5.506.648.413
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	400.570.970.868	413.849.353.654
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		436.010.829	514.101.609
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>365.977.057.244</b>	<b>379.407.296.897</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	22.669.231.208	24.494.381.751
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	343.307.826.036	354.912.915.146
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>142.859.425.293</b>	<b>264.144.303.358</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.17	<b>142.859.425.293</b>	<b>264.144.303.358</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		435.030.000.000	435.030.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		435.030.000.000	435.030.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.807.798.943	11.807.798.943
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(303.978.373.650)	(182.693.495.585)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(182.693.495.585)	(21.584.745.813)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.439.975.050.477</b>	<b>1.502.241.495.151</b>

Người lập biểu



Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

CHỖ  
CHỮ  
T  
CHỮ  
CHỮ  
CHỮ  
CHỮ  
CHỮ  
CHỮ  
CHỮ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	203.417.548.995	221.593.088.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	170.710.123	314.656.297
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	203.246.838.872	221.278.431.991
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	168.222.903.412	203.733.903.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.023.935.460	17.544.528.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.437.908	8.397.688
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	78.253.553.725	91.766.827.899
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		78.253.553.725	91.766.827.899
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	27.116.696.771	28.480.574.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	40.889.806.557	43.854.613.471
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(111.231.683.685)	(146.549.089.184)
11. Thu nhập khác	31	VI.9	2.260.564.782	5.064.109.789
12. Chi phí khác	32	VI.10	12.313.759.162	19.623.770.377
13. Lợi nhuận khác	40		(10.053.194.380)	(14.559.660.588)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu		VI.12	(2.788)	(3.703)

Người lập biểu

Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.960.438.330	51.027.396.580
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.943.256.027	(244.672.857)
- Chi phí lãi vay	06	78.253.553.725	91.766.827.899
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>8.872.370.017</b>	<b>(18.559.198.150)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(916.658.334)	14.663.511.630
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	497.852.926	1.434.504.366
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	14.623.587.572	11.567.118.241
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.857.178.229	5.673.588.547
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.637.269.232)	(17.820.002.415)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(870.000.000)	(1.061.207.058)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(78.090.781)	(93.349.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>18.348.970.397</b>	<b>(4.195.033.839)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(319.761.857)	(6.635.081.602)
2. Tiền thu từ nhượng bán tài sản cố định	22	7.172.727.273	2.528.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	4.437.909	3.975.897.688
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>6.857.403.325</b>	<b>(130.274.823)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	76.679.838.419	103.008.037.381
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(101.563.310.315)	(98.716.900.552)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(24.883.471.896)</b>	<b>4.291.136.829</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>322.901.826</b>	<b>(34.171.833)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	299.754.211	333.926.044
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	622.656.037	299.754.211

Người lập biểu



Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thuận Thảo là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400123162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 12 năm 2009 trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Vận Tài và Thương mại Thuận Thảo thành Công ty cổ phần Thuận Thảo, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 03 đường Hải Dương, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là kinh doanh Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, taxi và xe buýt, vận tải hàng hóa bằng ô tô, dịch vụ bến xe và kho bãi; Kinh doanh phòng hát Karaoke, hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu), hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc, kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động và các dịch vụ du lịch; và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

#### 5. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2015 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu các hoạt động kinh doanh chính của Công ty không đủ bù đắp các khoản chi phí như chi phí lãi vay, chi phí khấu hao, chi phí lương... Để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện làm việc lại với các tổ chức tín dụng để xin giảm, miễn lãi suất cho vay và chi phí lãi vay phải trả của các năm trước và làm việc với cơ quan thuế xin gia hạn, miễn giảm cho các khoản thuế phạt chậm nộp của Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2016 của Công ty sẽ được cải thiện.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thuận Thảo (tỉnh Phú Yên)  
Địa chỉ: Số 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thuận Thảo tại Quy Nhơn  
Địa chỉ: Đường Tây Sơn, Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành Phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thuận Thảo - Khách Sạn CenDeluxe  
Địa chỉ: Số 02 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên

### **7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do ảnh hưởng thay đổi của việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo thông tư 200 so với quyết định 15 và thông tư 244 nên các thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm này cũng đã được trình bày lại cho phù hợp với các quy định thông tư 200/2014/TT-BTC.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày thuyết minh thông tin so sánh trên báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại thuyết minh VII.10 của báo cáo tài chính.

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

13/01/2016  
CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO  
VỊ THÍ  
KẾ TÍNH  
13/01/2016  
13/01/2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm.

### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
  - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
  - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

### **16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

### **18. Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**19. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	520.036.000	187.935.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	88.925.036	107.763.710
Tiền đang chuyển	13.695.001	4.055.001
<b>Cộng</b>	<b>622.656.037</b>	<b>299.754.211</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty TNHH CHC	2.779.403.863	529.397.358
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc	12.249.499.000	-
Phải thu khách hàng khác	2.299.293.950	1.678.595.930
<b>Cộng</b>	<b>17.328.196.813</b>	<b>2.207.993.288</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Bà Võ Thị Thanh (trả trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, huyện Bình-Chánh, tp. Hồ Chí Minh)	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH CHC	2.874.482.509	1.599.149.226
Các nhà cung cấp khác	372.308.000	567.342.138
<b>Cộng</b>	<b>33.246.790.509</b>	<b>32.166.491.364</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay	400.000.000.000	400.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>

Khoản nợ gốc và lãi vay (xem thêm thuyết minh V.5 - trang 18) được đảm bảo bằng quyền chuyên đổi thành vốn góp của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn. Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế Ban lãnh đạo Công ty đồng ý không tính lãi suất đối với khoản cho vay này. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn là phát triển dự án bất động sản tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh và đang trong giai đoạn đầu tư chưa phát sinh doanh thu. Hiện khoản nợ này đã quá hạn thanh toán, Công ty đang tiến hành các thủ tục để thu hồi khoản nợ này.

**5. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>92.865.367.617</b>	<b>95.892.112.953</b>
Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1-Resort	798.956.000	798.956.000
Chi phí đền bù đất (sẽ được trừ dần vào một phần tiền thuê đất hàng năm phải nộp cho Nhà nước)	3.855.899.331	3.855.899.331
Công ty TNHH CHC	32.939.121.777	36.758.284.797
Phải thu lãi cho Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn vay	53.632.500.000	53.632.500.000
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc	1.011.064.000	-
Tạm ứng	283.327.585	267.565.287
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	20.000.000
Phải thu khác	344.498.924	558.907.538
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>461.000.000</b>	<b>468.600.000</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	461.000.000	468.600.000
<b>Cộng</b>	<b>93.326.367.617</b>	<b>96.360.712.953</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.366.790.593	-	1.502.833.038	-
Công cụ, dụng cụ	567.483.921	-	648.014.770	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	118.133.823	-	122.846.135	-
Thành phẩm	20.340.114	-	60.521.490	-
Hàng hoá	1.433.767.656	-	1.670.153.600	-
<b>Cộng</b>	<b>3.506.516.107</b>	<b>-</b>	<b>4.004.369.033</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>2.954.972.939</b>		<b>3.818.152.499</b>	
Chi phí đồ dùng dụng cụ	1.731.412.218		2.338.669.159	
Chi phí sửa chữa	619.133.766		566.048.916	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	604.426.955		913.434.424	
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>58.350.520.008</b>		<b>73.677.197.053</b>	
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	893.949.625		2.184.310.694	
Lợi thế thương mại (*)	52.413.883.123		64.746.561.499	
Chi phí đền bù đất	3.802.883.228		3.888.392.648	
Chi phí tái cấu trúc	1.026.865.041		1.007.964.920	
Chi phí trả trước dài hạn khác	212.938.991		1.849.967.292	
<b>Cộng</b>	<b>61.305.492.947</b>		<b>77.495.349.552</b>	

(\*) Lợi thế thương mại phát sinh do nhận sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Thuận Thanh trong năm 2010.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	894.490.218.144	11.792.948.369	135.889.151.278	8.491.519.877	31.051.553.031	1.081.715.390.699
Số tăng trong năm	-	139.400.000	-	-	-	139.400.000
- Mua trong năm	-	139.400.000	-	-	-	139.400.000
Số giảm trong năm	-	-	36.461.414.570	-	-	36.461.414.570
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	36.461.414.570	-	-	36.461.414.570
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>894.490.218.144</b>	<b>11.932.348.369</b>	<b>99.427.736.708</b>	<b>8.491.519.877</b>	<b>31.051.553.031</b>	<b>1.045.393.376.129</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	109.673.878.966	6.339.701.084	58.041.380.152	4.587.777.194	19.390.908.987	198.033.646.383
Số tăng trong năm	20.134.882.861	1.129.405.623	12.952.242.080	791.527.627	2.619.701.763	37.627.759.954
- Khấu hao trong năm	20.134.882.861	1.129.405.623	12.952.242.080	791.527.627	2.619.701.763	37.627.759.954
Số giảm trong năm	-	-	14.701.618.364	-	-	14.701.618.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	14.701.618.364	-	-	14.701.618.364
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>129.808.761.827</b>	<b>7.469.106.707</b>	<b>56.292.003.868</b>	<b>5.379.304.821</b>	<b>22.010.610.750</b>	<b>220.959.787.973</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	784.816.339.178	5.453.247.285	77.847.771.126	3.903.742.683	11.660.644.044	883.681.744.316
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>764.681.456.317</b>	<b>4.463.241.662</b>	<b>43.135.732.840</b>	<b>3.112.215.056</b>	<b>9.040.942.281</b>	<b>824.433.588.156</b>

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là: 10.186.532.077 đồng.

Phần lớn tài sản cố định của Công ty đã thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.16)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.205.442.291	6.025.080.434
<b>Cộng</b>	<b>6.205.442.291</b>	<b>6.025.080.434</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Sửa chữa Ô tô Phát Tường (Quảng Nam)	263.814.120	533.825.280
Công ty TNHH TM và DVTH Hòa Khánh	141.905.350	697.886.570
Công ty TNHH CKL Việt Nam	780.084.401	798.688.800
DNTN Phú Thành	406.365.390	564.442.000
DNTN thương mại An Phát	9.700.000.000	11.410.000.000
DNTN Thương mại Kim Phúc	438.067.022	1.427.710.804
DNTN Xăng dầu Hiệp Thành Phát	967.373.475	2.517.616.859
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại An Thiên Phúc	394.240.000	-
Phải trả người bán khác	8.071.873.295	5.673.307.163
<b>Cộng</b>	<b>21.163.723.053</b>	<b>23.623.477.476</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước của khách hàng khác	408.513.508	494.773.674
<b>Cộng</b>	<b>408.513.508</b>	<b>494.773.674</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
	VND	trong năm	trong năm	VND
Thuế giá trị gia tăng	56.018.245.513	11.488.448.168	(4.540.851.724)	62.965.841.957
Thuế tiêu thụ đặc biệt	61.756.560	98.432.334	(154.652.440)	5.536.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.761.345.652	-	(870.000.000)	4.891.345.652
Thuế thu nhập cá nhân	294.809.506	16.174.590	-	310.984.096
Tiền thuế đất	537.627.610	465.807.826	-	1.003.435.436
Thuế đất phi nông nghiệp	-	465.807.846	-	465.807.846
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.796.176.307	9.197.668.062	(8.000.000)	38.985.844.369
<b>Cộng</b>	<b>92.469.961.148</b>	<b>21.732.338.826</b>	<b>(5.573.504.164)</b>	<b>108.628.795.810</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	386.256.151.922	315.639.867.429
<b>Cộng</b>	<b>386.256.151.922</b>	<b>315.639.867.429</b>

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ cung cấp dịch vụ vận tải hành khách	3.628.444.704	1.756.873.882
<b>Cộng</b>	<b>3.628.444.704</b>	<b>1.756.873.882</b>

**15. Phải trả khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	VND	VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>4.277.652.005</b>	<b>5.506.648.413</b>
Kinh phí công đoàn chưa nộp	666.653.063	80.220.063
Phải trả bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, BHYTN	341.701.851	1.356.811.274
Kinh phí được cấp để làm đường độc lập	1.476.130.565	1.476.130.565
Tiền gửi của khách hàng chờ chuyển hộ	248.949.000	226.883.000
Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	886.437.526	1.708.823.511
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>22.669.231.208</b>	<b>24.494.381.751</b>
Bà Võ Thị Thanh	12.025.136.708	12.025.136.708
Bà Võ Thanh Minh Hằng	1.279.905.000	1.279.905.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	701.270.000	701.270.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	330.600.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
Ông Trương Trọng Cứ	330.550.000	330.550.000
Ông Võ Văn Thuận	638.023.000	638.023.000
Tiền gửi của nhân viên	6.599.696.500	8.332.066.875
Ký quỹ khách hàng	433.500.000	526.280.168
<b>Cộng</b>	<b>26.946.883.213</b>	<b>30.001.030.164</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2015 VND	Tăng	Giảm	31/12/2015 VND
<b>I) Vay ngắn hạn</b>	<b>413.849.353.654</b>	<b>75.178.443.419</b>	<b>(88.456.826.205)</b>	<b>400.570.970.868</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>116.141.914.766</b>	<b>75.178.443.419</b>	<b>(80.803.387.317)</b>	<b>110.516.970.868</b>
Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài (a)	84.947.228.600		(3.487.226.374)	81.460.002.226
Ngân hàng Vietinbank Phú Yên (b)	30.070.120.767	57.891.594.342	(74.395.084.143)	13.566.630.966
Vay của cá nhân	1.124.565.399	17.286.849.077	(2.921.076.800)	15.490.337.676
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>297.707.438.888</b>	<b>-</b>	<b>(7.653.438.888)</b>	<b>290.054.000.000</b>
Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài (c)	290.054.000.000	-	-	290.054.000.000
Ngân hàng VP Bank (d)	356.000.000	-	(356.000.000)	-
Ngân hàng LienVietPostbank (e)	7.297.438.888	-	(7.297.438.888)	-
<b>II) Vay dài hạn</b>	<b>354.912.915.146</b>	<b>1.501.395.000</b>	<b>(13.106.484.110)</b>	<b>343.307.826.036</b>
Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Tài (c)	253.543.734.507	-	-	253.543.734.507
Ngân hàng VP Bank (d)	89.000.000	-	(89.000.000)	-
Ngân hàng LienVietPostbank (e)	46.366.336.018	-	(2.702.065.110)	43.664.270.908
Vay của cá nhân (f)	54.913.844.621	1.501.395.000	(10.315.419.000)	46.099.820.621
<b>Cộng</b>	<b>768.762.268.800</b>	<b>76.679.838.419</b>	<b>(101.563.310.315)</b>	<b>743.878.796.904</b>

- a) Khoản vay của Ngân hàng Thương Mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Phú Tài (BIDV Phú Tài) bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 90 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay không vượt quá 8 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của BIDV Phú Tài tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất của các khoản vay là 11%/năm. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay (bao gồm vay ngắn hạn và dài hạn) tại BIDV Phú Tài được trình bày tại mục (c). Hiện khoản vay này đã quá hạn thanh toán, Công ty và Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục để tái cơ cấu lại khoản vay này. Theo thông báo số 1016/BIDV.PT-KHDN2 ngày 1/9/2015 thì BIDV Phú Tài đã bán toàn bộ các khoản nợ này cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) kể từ ngày 31/8/2015. Sau khi bán nợ BIDV được VAMC ủy quyền tiếp tục thực hiện quản lý, giám sát khoản nợ và tài sản đảm bảo của khoản nợ.
- b) Vay của chi nhánh Ngân hàng Thương mại Công Thương Phú Yên (VietinBank Phú Yên) theo hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT560 vào tháng 09/2014 bằng tiền Đồng Việt Nam theo hạn mức tín dụng với số tiền là 30,271 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn resort, thương mại, suga.... Thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm. Lãi suất thả nổi, áp dụng lãi suất cho vay ngắn hạn theo thông báo công bố lãi suất của VietinBank Phú Yên tại thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng. Lãi suất của các khoản vay là 10%/năm. Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và các tài sản xe tải, xe khách thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Thuận Thảo.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- c) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Chi nhánh Phú Tài bao gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng vay	Hạn mức vay	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay (VND)	Vay dài hạn đến hạn trả
01/2006/HĐTH ngày 09/05/2006	9.000.000.000	11%	60 tháng	4.100.000.000	4.100.000.000
01/2007/HDDH ngày 07/12/2007	40.000.000.000	11%	84 tháng	27.300.000.000	27.300.000.000
02/2007/HDDH ngày 20/04/2007	37.000.000.000	11%	96 tháng	28.200.000.000	28.200.000.000
03/2007/HĐDH ngày 18/10/2007	25.000.000.000	11%	84 tháng	16.404.000.000	16.404.000.000
04/2007/HĐDH ngày 18/10/2007	16.500.000.000	11%	84 tháng	11.050.000.000	11.050.000.000
01/2008/HĐDH ngày 01/04/2008	319.152.000.000	11%	120 tháng	306.343.734.507	116.400.000.000
02/2008/HĐDH ngày 18/02/2008	25.000.000.000	11%	60 tháng	21.700.000.000	21.700.000.000
01/2009/HĐDH ngày 19/03/2009	105.000.000.000	11%	120 tháng	100.900.000.000	43.700.000.000
01/2009/HĐDH ngày 24/04/2009	30.000.000.000	11%	84 tháng	27.600.000.000	21.200.000.000
<b>Cộng</b>				<b>543.597.734.507</b>	<b>290.054.000.000</b>

Vốn vay được sử dụng để đầu tư cho các hạng mục thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên và đầu tư dự án Resort tại đường Độc Lập, Phường 7, Thành Phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn, trung dài hạn tại BIDV Phú Tài gồm: toàn bộ công trình trên đất và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc Công viên Văn hóa Du lịch Thuận Thảo tại số 02-03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Số dư gốc vay tại cuối năm là 543.597.734.507 đồng. Theo thông báo số 1016/BIDV.PT-KHDN2 ngày 1/9/2015 thì BIDV Phú Tài đã bán toàn bộ các khoản nợ này cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) kể từ ngày 31/8/2015. Sau khi bán nợ BIDV được VAMC ủy quyền tiếp tục thực hiện quản lý, giám sát khoản nợ và tài sản đảm bảo của khoản nợ.

Số dư nợ vay đến hạn trả của các hợp đồng trên tại ngày 31/12/2015 là 290.054.000.000 đồng đã được phân loại sang nợ ngắn hạn. Hiện khoản vay này đã quá hạn thanh toán, Công ty và Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục để tái cơ cấu lại khoản vay này.

- d) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Khánh Hòa (VP bank) để bổ sung vốn mua xe ô tô Lexus RX 350 theo Hợp đồng tín dụng số 36-11/TC-TH-XE ngày 03/03/2011; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 14%/ năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/ lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chiếc xe ô tô Lexus RX 350 hình thành từ vốn vay do Công ty cổ phần Thuận Thảo sở hữu. Năm 2015 khoản vay này đã đáo hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- e) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Khánh Hòa (LienVietPostBank) bằng VND để tài trợ thuê tài chính và tái tài trợ nguồn vốn đã đầu tư mua các phương tiện vận tải theo Hợp đồng tín dụng số 61013/0027/TTKD ngày 16/05/2013; thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất vay trong hạn được thả nổi và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với vay là 11%/ năm. Nợ gốc trả định kỳ 3 tháng/ lần và lãi được trả định kỳ hàng tháng. Số dư gốc vay tại cuối năm là 43.664.270.908 đồng .
  
- f) Khoản vay của Bà Võ Thị Thanh (Chủ tịch Hội đồng quản trị) theo Hợp đồng vay được ký kết ngày 01/03/2010 và các phụ lục hợp đồng bổ sung; số tiền vay tối đa là 120.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn đầu tư và kinh doanh cho Công ty; lãi suất vay theo thoả thuận từng đợt; thanh toán lãi vay vào thời điểm cuối mỗi năm hoặc theo thoả thuận khác. Công ty không phải trả lãi vay cho khoản vay này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	9.138.181.391	2.564.177.948	(21.423.071.753)	425.309.287.586
Lỗ trong năm trước				(161.108.749.772)	(161.108.749.772)
Trích các quỹ		70.293.069	35.146.535	(161.674.060)	(56.234.456)
Số dư cuối năm trước	435.030.000.000	9.208.474.460	2.599.324.483	(182.693.495.585)	264.144.303.358
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	11.807.798.943	-	(182.693.495.585)	264.144.303.358
Lỗ trong năm nay				(121.284.878.065)	(121.284.878.065)
Số dư cuối năm nay	435.030.000.000	11.807.798.943	-	(303.978.373.650)	142.859.425.293

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2015	%	01/01/2015	%
	VND		VND	
Vốn góp của nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	435.030.000.000	100	435.030.000.000	100
<b>Cộng</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>100</b>	<b>435.030.000.000</b>	<b>100</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	435.030.000.000	435.030.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	435.030.000.000	435.030.000.000

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
- Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>203.417.548.995</b>	<b>221.593.088.288</b>
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	110.121.971.491	123.777.804.033
Doanh thu kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng	58.212.062.578	54.539.820.674
Doanh thu kinh doanh thương mại	25.905.295.031	34.341.508.253
Doanh thu thành phẩm nước uống tinh khiết	9.178.219.895	8.933.955.328
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>170.710.123</b>	<b>314.656.297</b>
Giảm giá hàng bán	-	454.545
Hàng bán bị trả lại	170.710.123	218.125.240
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	96.076.512
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>203.246.838.872</b>	<b>221.278.431.991</b>
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	110.121.971.491	123.777.804.033
Doanh thu thuần kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng	58.212.062.578	54.443.289.617
Doanh thu thuần kinh doanh thương mại	25.905.295.031	34.341.508.253
Doanh thu thuần thành phẩm nước uống tinh khiết	9.007.509.772	8.715.830.088

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và taxi	94.838.573.208	119.191.568.994
Giá vốn kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng	42.916.042.517	45.690.423.436
Giá vốn kinh doanh thương mại	25.810.925.064	34.156.495.079
Giá vốn thành phẩm nước uống tinh khiết	4.657.362.623	4.695.415.496
<b>Cộng</b>	<b>168.222.903.412</b>	<b>203.733.903.005</b>

**5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.437.908	8.397.688
<b>Cộng</b>	<b>4.437.908</b>	<b>8.397.688</b>

**6. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	78.253.553.725	91.766.827.899
<b>Cộng</b>	<b>78.253.553.725</b>	<b>91.766.827.899</b>

**7. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	4.068.418.585	4.297.962.579
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	3.343.184.568	3.309.684.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.846.334.876	16.290.240.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	877.286.398	398.817.996
Chi phí bằng tiền khác	2.981.472.344	4.183.868.911
<b>Cộng</b>	<b>27.116.696.771</b>	<b>28.480.574.488</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**8. Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	12.511.095.653	12.973.507.111
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	2.888.234.139	761.150.482
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.056.818.394	9.752.000.282
Phân bổ lợi thế thương mại	12.332.678.376	12.332.678.388
Thuế phí, lệ phí	959.458.040	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.243.631.040	5.193.842.459
Chi phí bằng tiền khác	1.897.890.915	2.841.434.749
<b>Cộng</b>	<b>40.889.806.557</b>	<b>43.854.613.471</b>

**9. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	2.528.909.091
Thu nhập khác	2.260.564.782	2.535.200.698
<b>Cộng</b>	<b>2.260.564.782</b>	<b>5.064.109.789</b>

**10. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	1.947.693.935	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	2.292.633.922
Xử lý kiểm kê thiếu	-	287.069.364
Chi phí thuế chậm nộp	9.189.668.062	16.076.056.510
Chi phí khác	1.176.397.165	968.010.581
<b>Cộng</b>	<b>12.313.759.162</b>	<b>19.623.770.377</b>

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 22% trên thu nhập chịu thuế. Trong năm Công ty bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Công ty không thực hiện ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong năm do không chắc chắn sẽ có được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để thu hồi tài sản thuế thu nhập hoãn lại nếu được ghi nhận.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	21.522.346.438	28.610.562.911
- Điều chỉnh tăng	21.522.346.438	28.610.562.911
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	(99.762.531.627)	(132.498.186.861)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>12. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(121.284.878.065)	(161.108.749.772)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	43.503.000	43.503.000
<b>Lỗ cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.788)</b>	<b>(3.703)</b>
<b>13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88.248.928.863	102.145.585.941
Chi phí nhân công	48.369.232.001	50.979.225.426
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.960.438.331	51.027.396.580
<i>Trong đó: phân bổ lợi thế thương mại</i>	<i>12.332.678.376</i>	<i>12.332.678.388</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.451.997.483	28.175.696.501
Chi phí khác bằng tiền	7.342.992.219	9.563.803.189
<b>Cộng</b>	<b>210.373.588.897</b>	<b>241.891.707.637</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Bà Võ Thị Thanh	Bên liên quan	Cho công ty vay Trả tiền vay	1.501.395.000 (10.315.419.000)

Cho đến ngày 31/12/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/ (phải trả) (VND)
Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bên liên quan	Phải thu cho vay Phải thu lãi cho vay	400.000.000.000 53.632.500.000
Bà Võ Thị Thanh	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn Phải trả tiền vay Trả trước người bán	(12.025.136.708) (46.099.820.621) 30.000.000.000
Ông Võ Thanh Hoàng Chương	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(701.270.000)
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(1.279.905.000)
Ông Võ Thanh Việt Cường	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(330.550.000)
Ông Võ Văn Thuận	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(638.023.000)
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Bên liên quan	Phải trả tiền mượn	(330.600.000)

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban điều hành trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.509.110.000	2.139.988.000
<b>Cộng</b>	<b>2.509.110.000</b>	<b>2.139.988.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh của công ty như sau :

- Kinh doanh vận tải : bao gồm vận tải hành khách, vận tải hàng hóa, taxi, dịch vụ bến xe, kho bãi và các dịch vụ khác có liên quan.
- Kinh doanh du lịch và khách sạn : bao gồm khách sạn, nhà hàng dịch vụ ăn uống, giải khát, kinh doanh khu du lịch, vui chơi, giải trí, kinh doanh và điều hành du lịch...
- Kinh doanh thương mại: bao gồm bán buôn và bán lẻ hàng hóa
- Sản xuất nước tinh khiết : bao gồm nước uống tinh khiết đóng chai và sản xuất nước đá tinh khiết.

21382  
ÔNG  
CÔNG  
CÔNG  
CÔNG  
CÔNG  
CÔNG  
CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm nay	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh du lịch và khách sạn	Kinh doanh thương mại	Sản xuất nước tinh khiết	Tổng cộng
Doanh thu bộ phận	110.121.971.491	58.212.062.578	25.905.295.031	9.007.509.772	203.246.838.872
Các chi phí trực tiếp	(108.701.070.922)	(92.046.870.339)	(118.011.114.700)	(8.037.663.666)	(326.796.719.627)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>1.420.900.569</b>	<b>(33.834.807.761)</b>	<b>(92.105.819.669)</b>	<b>969.846.106</b>	<b>(123.549.880.755)</b>
Các chi phí không phân bổ					-
Doanh thu tài chính	124.606	2.298.639	2.014.663	-	4.437.908
Thu nhập khác	221.537.828	217.214.676	1.742.035.787	79.776.491	2.260.564.782
Tổng Lợi nhuận trước thuế					(121.284.878.065)
Chi phí thuế TNDN					-
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>					<b>(121.284.878.065)</b>
<b>Vào ngày 31/12/2015</b>					
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>					
Tài sản của bộ phận	83.170.916.960	807.941.426.071	125.291.704.760	2.204.947.360	1.018.608.995.151
Tài sản không phân bổ					421.366.055.326
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1.439.975.050.477</b>
Nợ phải trả của bộ phận	70.792.867.852	396.733.447.484	13.046.970.349	202.128.178	480.775.413.863
Nợ phải trả không phân bổ					816.340.211.321
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.297.115.625.184</b>

Đơn vị tính: VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO**

Số 03 Hải Dương, Thành Phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Năm trước	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh du lịch và khách sạn	Kinh doanh thương mại	Sản xuất nước tinh khiết	Tổng cộng
					Đơn vị tính: VND
Doanh thu bộ phận	123.809.877.672	54.713.474.773	37.393.624.240	8.766.421.902	224.683.398.587
Các chi phí trực tiếp	(133.919.585.382)	(89.642.691.014)	(155.461.881.760)	(8.435.526.708)	(387.459.684.864)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(10.109.707.710)</b>	<b>(34.929.216.241)</b>	<b>(118.068.257.520)</b>	<b>330.895.194</b>	<b>(162.776.286.277)</b>
Doanh thu tài chính phân bổ	4.660	3.658.575	4.734.453	-	8.397.688
Thu nhập khác phân bổ	153.168.492	241.307.230	1.214.918.470	49.744.625	1.659.138.817
Tổng Lợi nhuận trước thuế					(161.108.749.772)
Chi phí thuế TNDN					-
<b>Lợi nhuận sau thuế trong năm</b>					<b>(161.108.749.772)</b>
<b>Vào ngày 31/12/2014</b>					
Tài sản và nợ phải trả					1.018.608.995.151
Tài sản của bộ phận	83.170.916.960	807.941.426.071	125.291.704.760	2.204.947.360	483.632.500.000
Tài sản không phân bổ					<b>1.502.241.495.151</b>
<b>Tổng tài sản</b>					
Nợ phải trả của bộ phận	70.792.867.852	620.041.104.366	13.046.970.349	202.128.178	704.083.070.745
Nợ phải trả không phân bổ					534.014.121.048
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>1.238.097.191.793</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	622.656.037	299.754.211	622.656.037	299.754.211
Cho vay	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	17.328.196.813	2.207.993.288	17.328.196.813	2.207.993.288
Phải thu khác	93.043.040.032	96.093.147.666	93.043.040.032	96.093.147.666
<b>Cộng</b>	<b>510.993.892.882</b>	<b>498.600.895.165</b>	<b>510.993.892.882</b>	<b>498.600.895.165</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	743.878.796.904	768.762.268.800	743.878.796.904	768.762.268.800
Chi phí phải trả	386.256.151.922	315.639.867.429	386.256.151.922	315.639.867.429
Phải trả người bán	21.163.723.053	23.623.477.476	21.163.723.053	23.623.477.476
Phải trả khác	29.566.973.003	30.320.872.709	29.566.973.003	30.320.872.709
<b>Cộng</b>	<b>1.180.865.644.882</b>	<b>1.138.346.486.414</b>	<b>1.180.865.644.882</b>	<b>1.138.346.486.414</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

**5. Tài sản đảm bảo**

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2015 (xem thuyết minh V.8, V.16). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2014 và vào ngày 31/12/2015.

**6. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**7. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Từ 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>814.888.587.638</b>	<b>365.977.057.244</b>	<b>1.180.865.644.882</b>
Các khoản vay	400.570.970.868	343.307.826.036	743.878.796.904
Chi phí phải trả	386.256.151.922	-	386.256.151.922
Phải trả người bán	21.163.723.053	-	21.163.723.053
Phải trả khác	6.897.741.795	22.669.231.208	29.566.973.003
<b>Số đầu năm</b>	<b>758.939.189.517</b>	<b>379.407.296.897</b>	<b>1.138.346.486.414</b>
Các khoản vay	413.849.353.654	354.912.915.146	768.762.268.800
Chi phí phải trả	315.639.867.429	-	315.639.867.429
Phải trả người bán	23.623.477.476	-	23.623.477.476
Phải trả khác	5.826.490.958	24.494.381.751	30.320.872.709

**8. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

30/12  
CỔ  
TỔNG  
GIÁM ĐỐC  
VÀ V  
NA  
1/1-T

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**9. Thông tin về hoạt động kinh doanh và thanh khoản**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty lỗ thuần (303.978.373.650) đồng và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty (380.614.067.918) đồng. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác như khoản cho vay đã quá hạn thanh toán chưa thu hồi được (thuyết minh V.4 trang 18), các khoản vay đến hạn trả và lãi vay chưa thanh toán (xem thuyết minh V.16 trang 23, V.13 trang 22), các khoản thuế và lãi phạt chậm nộp thuế (xem thuyết minh V.12 trang 21), cho thấy Công ty gặp áp lực về thanh khoản và sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Trước thực trạng này, Ban lãnh đạo Công ty sẽ thực hiện với các bên cho vay xin giảm, miễn lãi vay, thực hiện cơ cấu lại nợ vay, lãi vay và làm việc lại với cơ quan thuế để xin giảm miễn cho các khoản thuế nợ, yêu cầu cổ đông lớn và các bên liên quan sẽ hỗ trợ Công ty để thanh toán nợ đến hạn. Ngoài ra, Công ty thực hiện tiết giảm chi phí hoạt động như là: tăng giờ làm, tái cơ cấu lại bộ máy nhân sự. Với những biện pháp này, Ban lãnh đạo Công ty tin rằng tình hình rủi ro về thanh khoản sẽ được kiểm soát và cải thiện, hoạt động kinh doanh trong năm 2016 của Công ty sẽ được cải thiện, tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty và báo cáo tài chính năm 2015 vẫn được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**10. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính 2015. Từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng thông tư 200 và trình bày hồi tố các chỉ tiêu có thay đổi so với Quyết định số 15 tại ngày đầu năm trên bảng cân đối kế toán.

Do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200, một số chỉ tiêu tại ngày 31/12/2014 trên Bảng Cân đối kế toán được điều chỉnh hồi tố như sau:

ỨNG  
VGT  
ETW  
TU  
KẾ  
TI  
VI  
HO  
HI



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Số liệu tại ngày 31/12/2014

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>400.000.000.000</b>	-	<b>(400.000.000.000)</b>
3. Đầu tư ngắn hạn khác	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>129.979.032.318</b>	<b>530.266.597.605</b>	<b>400.287.565.287</b>
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	400.000.000.000	400.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	95.604.547.666	95.892.112.953	287.565.287
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>4.105.717.786</b>	<b>3.818.152.499</b>	<b>(287.565.287)</b>
5. Tài sản ngắn hạn khác	287.565.287	-	(287.565.287)
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	<b>468.600.000</b>	<b>468.600.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	-	468.600.000	468.600.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>74.145.797.053</b>	<b>73.677.197.053</b>	<b>(468.600.000)</b>
4. Tài sản dài hạn khác	468.600.000	-	(468.600.000)
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>856.933.021.014</b>	<b>858.689.894.896</b>	<b>1.756.873.882</b>
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	1.756.873.882	1.756.873.882
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>381.164.170.779</b>	<b>379.407.296.897</b>	<b>(1.756.873.882)</b>
8. Doanh thu chưa thực hiện	1.756.873.882	-	(1.756.873.882)
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>264.144.303.358</b>	<b>264.144.303.358</b>	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	9.208.474.460	11.807.798.943	2.599.324.483
3. Quỹ dự phòng tài chính	2.599.324.483	-	(2.599.324.483)

Ngoài ra, Công ty đã trình bày lại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 do đã ghi nhận chi phí phạt chậm nộp thuế và phân bổ giá trị lợi thế thương mại của năm 2013 vào năm 2014 với số tiền lần lượt là 13.186.520.476 đồng với số tiền là 12.332.678.388 đồng. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm 2014 được trình bày lại như sau:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH**

Năm 2014

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	56.187.291.859	43.854.613.471	(12.332.678.388)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(158.881.767.572)</b>	<b>(146.549.089.184)</b>	<b>12.332.678.388</b>
12. Chi phí khác	32.810.290.853	19.623.770.377	(13.186.520.476)
13. Lợi nhuận khác	(27.746.181.064)	(14.559.660.588)	13.186.520.476
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(186.627.948.636)	(161.108.749.772)	25.519.198.864
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(186.627.948.636)	(161.108.749.772)	25.519.198.864
18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(4.290)	(3.703)	587

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	Năm 2014		
	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
1. Lợi nhuận trước thuế	186.627.948.636	(161.108.749.772)	25.519.198.864
- Khấu hao tài sản cố định	63.360.074.968	51.027.396.580	(12.332.678.388)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(31.745.718.626)	(18.559.198.150)	13.186.520.476
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	24.753.638.717	11.567.118.241	(13.186.520.476)

Người lập biểu



Huỳnh Thị Khoa Trâm

Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Như

Tổng Giám đốc



Võ Thị Thanh